TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2021
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn M Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1986, địa chỉ nơi cư trú: Số 1339, tổ 13, ấp CC, xã TV, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 18, khóm VC, phường CA, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chị M, anh P vắng mặt tại phiên tòa (chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Chị M với anh P tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 31/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã TV, thành phố X. Trong thời gian chung sống, anh P thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện ghen tuông vô cớ và có những lời lẽ thô tục xúc phạm chị M, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã

nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị M yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị M cho rằng, trong thời gian chung sống với anh P có con chung tên Nguyễn Tấn U, sinh ngày 16/01/2015. Chị M yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của anh P nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh P biết nhưng anh P vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong thời gian sống chung, chị M và anh P phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân cả hai vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Tấn U, sinh ngày 16/01/2015 hiện đang sống cùng chị M, để đảm bảo cuộc sống, cũng như tâm sinh lý cho con, việc giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Đồng thời, anh P cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M, anh P.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, thành phố X theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2013 ngày 31/8/2013 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng chị M, anh P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, chị M, anh P mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc ai.

Tòa án tiến hành ghi lời khai của chị Nguyễn Thị Hài là em ruột của anh P, cho biết có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án, sau đó có thông báo lại cho anh P nhưng anh P đi làm ở thành phố Hồ Chí M, thời gian đi về không cố định nên không thể có mặt theo thông báo của Tòa án. Đồng thời, anh P cho biết

giữa vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh P đồng ý, đối với con chung do anh P đồng ý giao cho chị M nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có.

Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M, anh P là có thật, mặc dù anh P biết việc chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng anh P vẫn không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn giữa chị M với anh P đã trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc ly hôn với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị M, anh P thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Tấn U, sinh ngày 16/01/2015. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung thì cháu U do chị M nuôi dạy, để ổn định môi trường sống và tâm sinh lý của con chung nên Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu Nguyễn Tấn U, sinh ngày 16/01/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp. Anh P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2013 ngày 31/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã TV, thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Tấn U, sinh ngày 16/01/2015 cho đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Nguyễn Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0004194 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; Chị M đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức